

Số: 14/BC-UBND

TP. Trà Vinh, ngày 14 tháng 01 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**Về việc công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách thành phố Trà Vinh năm 2018**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Trà Vinh Khóa XI, kỳ họp thứ 5 về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2018;

Thực hiện Quyết định số 4959/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018;

Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thành phố Trà Vinh quý IV năm 2018, cụ thể như sau:

**I/. Thu ngân sách:**

\* **Tổng thu ngân sách địa phương năm 2018:** 553.303 triệu đồng, đạt 148,73%, tăng 17,44% so cùng kỳ, trong đó:

**1/. Thu nội địa:** 224.022 triệu đồng, đạt 126,89% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 21,06% so cùng kỳ. Cụ thể như sau:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 417 triệu đồng;
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: thực hiện 70.079 triệu đồng, đạt 101,56% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 8,23% so cùng kỳ;
- Thuế thu nhập cá nhân: thực hiện 33.156 triệu đồng, đạt 116,34% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 12,52% so cùng kỳ;
- Lệ phí trước bạ: thực hiện 33.750 triệu đồng, đạt 82,32% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 10,24% so cùng kỳ;
- Phí, lệ phí: thực hiện 5.376 triệu đồng, đạt 86,71% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 21,09% so cùng kỳ;



- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: thực hiện 3.050 triệu đồng, đạt 82,43% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 16,25% so cùng kỳ;

- Thu tiền sử dụng đất: thực hiện 75.685 triệu đồng, đạt 378,43% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 61,08% so cùng kỳ;

- Thu khác ngân sách: thực hiện 6.040 triệu đồng, đạt 45,76% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 0,52% so cùng kỳ;

**2/. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang:** 19.709 triệu đồng, giảm 13,71% so cùng kỳ năm trước.

**3/. Thu kết dư:** 73.442 triệu đồng, tăng 46,26% so cùng kỳ năm trước.

**4/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:** 176.067 triệu đồng, đạt 90,07% so dự toán tỉnh giao, tăng 12,7% so cùng kỳ.

*\* Thu ngân sách thành phố hưởng theo phân cấp nếu loại trừ số thu từ tiền sử dụng đất là 148.337 triệu đồng, đạt 94,75% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 7,43% so cùng kỳ.*

## **II. Chi ngân sách:**

Tổng chi ngân sách thành phố năm 2018: 431.972 triệu đồng, đạt 114,87% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 21,03% so cùng kỳ, trong đó:

**1. Chi đầu tư phát triển:** thực hiện 89.193 triệu đồng, đạt 187,58% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 100,59% so cùng kỳ. Nguyên nhân tăng cao là do chi chuyển trả nguồn 30% trích lập quỹ phát triển đất là 34.886 triệu đồng.

**2. Chi thường xuyên:** thực hiện 330.520 triệu đồng, đạt 106,39% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 10,14% so cùng kỳ, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: thực hiện 122.232 triệu đồng, đạt 93,38% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 4,73% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: thực hiện 288 triệu đồng, đạt 80% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 5,11% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin: thực hiện 1.448 triệu đồng, đạt 125,91% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 29,5% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp truyền thanh: thực hiện 605 triệu đồng, đạt 113,08% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 16,55% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp thể thao: thực hiện 298 triệu đồng, đạt 84,66% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 40,64% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp môi trường: thực hiện 42.858 triệu đồng, đạt 195,96% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 45,04% so cùng kỳ;

- Chi sự nghiệp kinh tế: thực hiện 57.731 triệu đồng, đạt 100,56% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 27,68% so cùng kỳ;

- Chi hoạt động quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: thực hiện 78.358 triệu đồng, đạt 104,19% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 0,57% so cùng kỳ;



- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: thực hiện 17.343 triệu đồng, đạt 126,1% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 4,81% so cùng kỳ;

- Chi khác ngân sách: thực hiện 2.853 triệu đồng, đạt 95,67% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 21,98% so cùng kỳ;

- Chi mua sắm cho các ban ngành: thực hiện 335 triệu đồng, đạt 74,44% so với dự toán HĐND thành phố giao;

**3. Chi dự phòng:** 360 triệu đồng, đạt 4,81% so với dự toán HĐND thành phố giao;


**4. Chi viện trợ:** 133 triệu đồng;

**5. Chi cho vay:** 1.000 triệu đồng;

**6. Chi từ nguồn BSMT từ ngân sách cấp trên:** 4.473 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thành phố năm 2018 (chi tiết theo Biểu số 94,95,96/CK-NSNN kèm theo)./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng HĐND TP;
- Các phòng, ban thuộc UBND TP;
- Viện kiểm sát nhân dân TP;
- Tòa án nhân dân TP;
- Cơ quan của các đoàn thể ở TP;
- UBND các xã, phường thuộc TP;
- Trang tin điện tử;
- Lưu: VT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Dương Hiền Hải Đăng**



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2018

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>372.020</b>	<b>553.303</b>	<b>148,73</b>	<b>117,44</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>176.550</b>	<b>224.022</b>	<b>126,89</b>	<b>121,06</b>
1	Thu nội địa	176.550	224.022	126,89	121,06
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>19.709</b>		<b>86,29</b>
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>73.442</b>		<b>146,26</b>
<b>IV</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>195.470</b>	<b>233.699</b>	<b>119,56</b>	<b>111,78</b>
	- Bổ sung cân đối ngân sách	191.449	191.449	100,00	109,04
	- Bổ sung có mục tiêu	4.021	42.250	1.050,73	126,18
<b>V</b>	<b>Thu tạm ứng từ ngân sách cấp trên</b>		<b>2.431</b>		<b>66,60</b>
<b>VI</b>	<b>Thu từ NS cấp dưới nộp lên</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>372.020</b>	<b>431.972</b>	<b>116,12</b>	<b>121,03</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách thành phố</b>	<b>367.999</b>	<b>421.206</b>	<b>114,46</b>	<b>121,84</b>
1	Chi đầu tư phát triển	47.550	89.193	187,58	200,59
2	Chi thường xuyên	306.654	330.520	107,78	110,14
3	Dự phòng ngân sách	7.477	360	4,81	
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (10% TK chi TX)	6.318		0,00	
5	Chi viện trợ (Dự án SME)		133		
6	Chi cho vay		1.000		
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	<b>4.021</b>	<b>4.473</b>	<b>111,24</b>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia XD nông thôn mới		469		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	4.021	4.004		
<b>III</b>	<b>Các khoản chi tạm ứng</b>		<b>5.729</b>		<b>55,65</b>
<b>IV</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		<b>564</b>		<b>79,34</b>

## \* Ghi chú:

- Dự toán Thu NS thành phố chưa loại trừ số thu phạt ATGT NSTW hưởng : 5.500 triệu đồng.
- Tổng thu - chi ngân sách địa phương đã loại trừ số bổ sung ngân sách phường, xã 42.282 triệu đồng.



## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>182.050</b>	<b>227.560</b>	<b>125,00</b>	<b>119,81</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>182.050</b>	<b>227.560</b>	<b>125,00</b>	<b>119,81</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		417		121,93
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	69.000	70.079	101,56	108,23
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>60.130</i>	<i>60.547</i>	<i>100,69</i>	<i>107,22</i>
	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>8.000</i>	<i>7.915</i>	<i>98,94</i>	<i>114,40</i>
	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>770</i>	<i>799</i>	<i>103,77</i>	<i>93,78</i>
	<i>Thuế tài nguyên</i>	<i>100</i>	<i>818</i>	<i>818,00</i>	<i>253,25</i>
4	Thuế thu nhập cá nhân	28.500	33.156	116,34	112,52
6	Lệ phí trước bạ	41.000	33.750	82,32	110,24
7	Thu phí, lệ phí	6.200	5.376	86,71	78,91
8	Các khoản thu về nhà, đất	23.900	78.742	329,46	152,71
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>3.700</i>	<i>3.050</i>	<i>82,43</i>	<i>83,75</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>20.000</i>	<i>75.685</i>	<i>378,43</i>	<i>161,08</i>
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>200</i>	<i>3</i>	<i>1,50</i>	<i>0,76</i>
-	<i>Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</i>		<i>4</i>		
10	Các khoản thu tại xã	250		0,00	0,00
11	Thu khác ngân sách	13.200	6.040	45,76	100,52
	<i>Thu phạt ATGT</i>	<i>5.500</i>	<i>3.538</i>	<i>64,33</i>	<i>72,62</i>
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>176.550</b>	<b>224.022</b>	<b>126,89</b>	<b>121,06</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	75.830	71.381	94,13	110,04
2	Các khoản thu NS thành phố được hưởng 100%	100.720	152.641	151,55	127,00



## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2018

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>376.041</b>	<b>431.972</b>	<b>114,87</b>	<b>121,03</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>372.020</b>	<b>421.206</b>	<b>113,22</b>	<b>121,84</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>47.550</b>	<b>89.193</b>	<b>187,58</b>	<b>200,59</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	41.550	54.307	130,70	122,13
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	19.200	16.849	87,76	
1.4	Chi văn hóa thông tin	930	4.720	507,53	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	16.600	19.958	120,23	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	2.820	6.794	240,92	
1.10	Chi bảo đảm xã hội (hỗ trợ nhà ở theo QĐ 22)	0	5.975		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính trung ương và địa phương, đầu tư	6.000	34.886	581,43	
	Chi nguồn trích lập quỹ phát triển đất (30%)	6.000	34.886	581,43	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>310.675</b>	<b>330.520</b>	<b>106,39</b>	<b>110,14</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	130.896	122.232	93,38	104,73
2	Chi khoa học và công nghệ	360	288	80,00	105,11
3	Chi y tế, dân số và gia đình	0	0		
4	Chi văn hóa thông tin	1.150	1.448	125,91	70,50
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	535	605	113,08	83,45
6	Chi thể dục thể thao	352	298	84,66	59,36
7	Chi bảo vệ môi trường	21.871	42.858	195,96	145,04
8	Chi các hoạt động kinh tế	57.410	57.731	100,56	127,68
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	75.210	78.358	104,19	100,57

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
10	Chi bảo đảm xã hội	13.753	17.343	126,10	95,19
12	Chi khác	2.982	2.853	95,67	121,98
13	Chi mua sắm cho các ban ngành	450	335	74,44	
<b>III</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (10% TK chi TX)</b>	<b>6.318</b>			
<b>IV</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>7.477</b>	<b>360</b>	<b>4,81</b>	
<b>V</b>	<b>Chi viện trợ (Dự án SME)</b>		<b>133</b>		
<b>VI</b>	<b>Chi cho vay</b>		<b>1.000</b>		<b>100,00</b>
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>4.021</b>	<b>4.473</b>	<b>111,24</b>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia XD nông thôn mới		469		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	4.021	4.004		
<b>C</b>	<b>Các khoản chi tạm ứng</b>		<b>5.729</b>		
<b>D</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		<b>564</b>		

**\* Ghi chú:**

- Tổng chi ngân sách địa phương đã loại trừ số bổ sung ngân sách phường, xã 42.282 triệu đồng.